

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2026.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hương và bà Huỳnh Thị Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đình Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, số 174A đường Lý Thánh Tông, xã Phú Lộc, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Ng, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 046084007XXX, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn H, xã V (xã V cũ), thành phố Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 046186004XXX, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố Huế; vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 02 năm 2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng Ng trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Huế) vào ngày 20/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã hết tình cảm với nhau. Nguyên đơn có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị T không nghe. Từ tháng 7 năm 2024, anh Ng và chị T

sống ly thân và đến khoảng cuối năm 2024 thì bị đơn đi lao động nước ngoài. Từ khi sống ly thân, anh Ng và chị T chỉ liên lạc với nhau thời gian đầu, sau đó cũng không thường xuyên liên lạc với nhau, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm chăm sóc nhau nên tình cảm phai nhạt, không còn cuộc sống chung của vợ chồng, đã ăn uống riêng, tự ai lo nấy, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh Nguyễn Hoàng Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Ng trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 01/5/2006; Nguyễn Hoàng Minh Ch, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 13/7/2017. Anh Nguyễn Hoàng Ng yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh Ch và cháu Nguyễn Hoàng Minh Q cho anh Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh A đã thành niên và có công việc ổn định nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Ng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản sao căn cước công dân của Nguyễn Hoàng Ng, Nguyễn Thị T; xác nhận thông tin về cư trú.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị T về việc anh Nguyễn Hoàng Ng xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định chị Nguyễn Thị T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 05/03/2026, ông Nguyễn X, sinh năm 1950 là bố ruột của chị Nguyễn Thị T cho biết, bị đơn có nơi thường trú tại thôn H, xã V (xã V cũ), thành phố Huế. Hiện nay chị Nguyễn Thị T đang sinh sống và lao động tại nước ngoài, thỉnh thoảng có liên lạc với ông Nguyễn X qua điện thoại nhưng ông X không rõ địa chỉ cụ thể của chị T nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Việc ly hôn của vợ chồng anh Ng và chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Từ khi anh Ng và chị T sống ly thân cho đến nay 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Minh Ch, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 13/7/2017 đều do anh Nguyễn Hoàng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đối với cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 01/5/2006 đã thành niên và có công việc ổn định nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định. Đối với yêu cầu của Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho chị

Nguyễn Thị T thì ông Nguyễn X đã nhận và cam kết sẽ thông báo, giao lại cho chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2026, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/4/2026, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Ng. Về án phí đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T có nơi thường trú tại thôn H, xã V (xã V cũ), thành phố Huế, hiện đang làm việc tại nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần làm việc với gia đình của bị đơn là ông Nguyễn X (là bố ruột của chị Nguyễn Thị T) và khẳng định vẫn có liên hệ với chị Nguyễn Thị T nhưng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nguyễn Thị T cho Tòa án.

Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân của chị Nguyễn Thị T cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị T cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị T biết. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng

hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T theo thủ tục chung.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Huế) vào ngày 20/10/2006, trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ tháng 7 năm 2024, anh Ng và chị T đã sống ly thân, sau đó chị Nguyễn Thị T đi làm ăn, sinh sống tại nước ngoài cho đến nay. Vợ chồng ở xa nhau nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Đối với bị đơn, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng Tòa án để yêu cầu chị T trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn cho ông Nguyễn X (là bố ruột của chị T). Nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không trả lời và được coi như đã từ chối khai báo trước Tòa án và không quan tâm đến hạnh phúc của gia đình mình.

Xét thấy: Mâu thuẫn tình cảm giữa anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Hoàng Ng và chị Nguyễn Thị T có 03 người con chung là Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 01/5/2006; Nguyễn Hoàng Minh Ch, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 13/7/2017. Yêu cầu của nguyên đơn giao 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Minh Ch, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 13/7/2017 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 05/03/2026, cháu Nguyễn Hoàng Minh Ch và cháu Nguyễn Hoàng Minh Q đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Hoàng Ng. Bị đơn hiện nay ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với thực tế vì hiện nay 02 người con chung là cháu Ch và cháu Q đang do nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu A đã thành niên nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Đối với người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 01/5/2006 đã thành niên và có công việc ổn định, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho nguyên đơn rõ về các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Anh Nguyễn Hoàng Ng trình bày anh có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 40, 147, 227, 228, 238, 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng Ng. Anh Nguyễn Hoàng Ng được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Minh Ch, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Hoàng Minh Q, sinh ngày 13/7/2017 cho anh Nguyễn Hoàng Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh A, sinh ngày 01/5/2006 đã thành niên và có công việc ổn định, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Hoàng Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000350 ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Hoàng Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Đương sự;
- UBND xã V (*ĐKKH ngày 20/10/2006*);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Tú